

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 382-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 1990

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng 4 tháng 7 năm 1981;

Để hoàn thiện việc quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các Văn phòng Đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1

Nay ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng Đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2

Nghị định này thay thế Nghị định số 199-HĐBT ngày 28 tháng 12 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 3

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

ĐẶT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN THƯỜNG TRÚ CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI TẠI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Bên nước ngoài) có quan hệ với các tổ chức kinh tế, thương mại Việt Nam nhằm thực hiện các mục đích kinh tế thuộc phạm vi hoạt động và đủ điều kiện quy định tại Quy chế này, có thể được phép đặt Văn phòng Đại diện thường trú tại Việt Nam.

Điều 2

Phạm vi hoạt động của Văn phòng Đại diện Bên nước ngoài tại Việt Nam bao gồm:

Xúc tiến xây dựng các dự án, chương trình hợp tác kinh tế, kể cả các dự án, chương trình phát triển du lịch; hợp tác đầu tư và hợp tác khoa học kỹ thuật được phía Việt Nam quan tâm.

Xúc tiến trong thời gian dài việc thực hiện các hợp đồng thương mại, kể cả các hợp đồng dịch vụ du lịch; hợp đồng thuộc lĩnh vực đầu tư, hợp tác kinh tế khoa học kỹ thuật đã được ký kết với các tổ chức kinh tế có thẩm quyền của Việt Nam phù hợp với pháp luật Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Văn phòng Đại diện Bên nước ngoài không được trực tiếp chi trả kiều hối, mua gom hàng xuất khẩu hoặc bán hàng nhập khẩu tại Việt Nam.

Bộ Thương nghiệp quy định các điều kiện cụ thể cho tổ chức và cá nhân nước ngoài đặt Văn phòng đại diện và hoạt động tại Việt Nam theo phạm vi của điều này.

Điều 3

Bộ Thương nghiệp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền xét và cấp giấy phép cho Bên nước ngoài đặt Văn phòng Đại diện tại Việt Nam theo các quy định của Quy chế này.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ XIN CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Điều 4

Bên nước ngoài xin cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện thường trú tại Việt Nam phải gửi đơn đến Bộ Thương nghiệp và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung

ương (dưới đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh) nơi Bên nước ngoài xin đặt trụ sở Văn phòng Đại diện.

Đơn được lập theo mẫu thống nhất do Bộ Thương nghiệp quy định, gồm một bản chính bằng tiếng Việt Nam, một bản bằng một trong các thứ tiếng nước ngoài thông dụng, nội dung gồm:

- 1- Tên và địa chỉ nơi đóng trụ sở chính của Bên nước ngoài;
- 2- Phạm vi hoạt động chủ yếu của Bên nước ngoài tại nước mình;
- 3- Số vốn pháp định của Bên nước ngoài;
- 4- Mục đích xin đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam;
- 5- Phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam;
- 6- Nơi (tỉnh, thành phố) xin đặt trụ sở Văn phòng đại diện;
- 7- Số lượng cán bộ, nhân viên trong Văn phòng đại diện, trong đó:
Số người nước ngoài,
Số người tuyển dụng tại Việt Nam.
- 8- Tài sản chủ yếu của Văn phòng đại diện tại Việt Nam;
- 9- Người có thẩm quyền cao nhất của Bên nước ngoài xin đặt Văn phòng đại diện ký tên và đóng dấu (nếu có).

Điều 5

Kèm theo đơn xin phép đặt Văn phòng đại diện, Bên nước ngoài phải xuất trình:

- 1- Điều lệ hoặc tài liệu cần thiết chứng minh sự tồn tại hợp pháp của Bên nước ngoài;
- 2- Giấy chứng nhận của Ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền phía nước ngoài xác định rõ số vốn pháp định của Bên nước ngoài;
- 3- Một số giấy tờ có liên quan khác (nếu cần).

Điều 6

Trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày Bộ Thương nghiệp Việt Nam nhận đơn, Bên nước ngoài sẽ được thông báo về kết quả của việc xin đặt Văn phòng đại diện.

Điều 7

Giấy phép đặt Văn phòng đại diện cấp cho Bên nước ngoài phải quy định rõ mục đích, phạm vi hoạt động và điều kiện hoạt động của Văn phòng đại diện.